

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
Số: 2307/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh Hóa, ngày 09 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 135/CV-HĐND ngày 10/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2615/TTr-SGTVT ngày 01/8/2017 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định tại Văn bản số 2614/SGTVT-TĐKHKT ngày 01/8/2017) và Công văn số 2544/SGTVT-TĐKHKT ngày 01/8/2017 về việc quy mô, nội dung đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc; Công văn số 2709/SGTVT-TĐKHKT ngày 08/8/2017 về kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc
2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa
3. Đơn vị tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Hoa và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean.
4. Chủ nhiệm lập dự án: Ông Nguyễn Tiên Chấn

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trong khu vực, kết nối các tuyến giao thông quan trọng của tỉnh, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đi lại giữa các vùng trong khu vực với Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, chỉnh trang hệ thống giao thông, tạo điều kiện thúc đẩy du lịch Khu di tích lịch sử Lam Kinh và các khu du lịch phụ cận.

6. Nội dung và quy mô đầu tư

6.1. Quy mô:

- Nâng cấp, cải tạo đường hiện hữu đạt tiêu chuẩn đường cấp VI và cấp V đồng bằng (theo TCVN4054:2005). Chiều dài tuyến 19,022km; điểm đầu Km0 - giao với QL.45 tại Km62+950; điểm cuối tại Km19+022 - giao với QL.47B tại Km13+150.

- Đường cấp V: $V_{tk}=40\text{km/h}$, bán kính đường cong nằm $R_{min}=60\text{m}$; mặt cắt ngang $B_n=7,5\text{m}$; $B_m=5,5\text{m}$; $B_{lgc}=2\times 0,5\text{m}=1\text{m}$; $B_l=2\times 0,5\text{m}=1\text{m}$; độ dốc dọc $I_{max}=7\%$.

- Đường cấp VI: $V_{tk}=30\text{km/h}$; bán kính đường cong nằm $R_{min}=30\text{m}$; mặt cắt ngang $B_n=6,5\text{m}$; $B_m=5,5\text{m}$; $B_l=2\times 0,5\text{m}=1\text{m}$; độ dốc dọc $I_{max}=9\%$.

- Tải trọng thiết kế đối với cầu HL93, đối với cống H30-XB80; tải trọng khai thác của đường trục đơn 10T; tần suất tính toán thủy văn đối với cống, nền đường là 4%, cầu là 1%; mặt đường Bê tông nhựa có $E_{yc}\geq 133\text{MPa}$ và Bê tông xi măng; công trình thoát nước vĩnh cửu bằng BTXM và BTCT.

6.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Bình đồ, hướng tuyến: Tuyến cơ bản bám theo đường hiện có để tận dụng tối đa đường cũ, cải tạo cục bộ tại một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và hạn chế GPMB. Toàn tuyến có 122 đường cong, chêm chước $R=20\text{m}$ (đầu cầu Trắng và cầu Kè).

b) Trắc dọc: Đường đồ được thiết kế trên cơ sở đường cũ không bị ảnh hưởng bởi thủy văn dọc tuyến, bù vênh và tôn cao bằng lớp kết cấu áo đường tính toán đảm bảo $E_{yc}\geq 133\text{MPa}$. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=5,05\%$.

c) Mặt cắt ngang: Mặt cắt ngang: Độ dốc ngang mặt đường hai mái $I_m=2\%$, lề đường đất $I_l=4\%$, siêu cao trong đường cong $I_{scmax}=6\%$, bề rộng mặt đường trên tuyến cụ thể như sau:

- Thiết kế đạt tiêu chuẩn đường cấp VI: Tổng chiều dài 2,2km/19,022km; là đoạn từ Km11+600-Km13+800, đi trên đê Sông Chu thuộc xã Thiệu Toán và xã Xuân Khánh; có $B_n=6,5\text{m}$; $B_m=5,5\text{m}$.

- Đạt tiêu chuẩn đường cấp V: Tổng chiều dài 16,92km/19,02km; chiều rộng nền đường tối thiểu $B_n=7\text{m}$; bề rộng mặt đường và gia cố lề tối thiểu 6,5m.

d) Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường: Mặt đường được thiết kế với 2 loại kết cấu là mặt đường BTN có $E_{yc}\geq 133\text{MPa}$ và BTXM, cụ thể:

- Mặt đường BTXM có kết cấu: móng ĐDTC. Bố trí khe dọc và khe ngang, khe giãn có thanh truyền lực. Tổng chiều dài 3,6km (Km3+700-Km5+800 đi trên đê sông Chu và Km7+00-Km8+500 đi trên mặt Kênh Bắc).

- Mặt đường BTN: với tổng chiều dài 15,42km (các đoạn còn lại), kết cấu áo đường: BTN C19 tưới nhựa dính bám 0,5kg/m²; láng nhựa 01 lớp TCN 1,8kg/m²; móng bằng ĐDTC

- Kết cấu áo đường đối với phần cạp mở rộng đường cũ: BTN C19; tưới nhựa dính bám 0,5kg/m²; láng nhựa 01 lớp TCN 1,8kg/m²; móng trên ĐDTC; móng dưới ĐDTC; tăng cường lớp móng bằng ĐDTC; nền đất K_≥98

đ) Nền đường thông thường:

- Nền đắp cạp mở rộng và làm mới đắp bằng đất đồi đạt độ chặt K_≥95; lớp sát móng đường yêu cầu K_≥98. Mái ta luy đắp 1/1,5; gia cố mái thông thường bằng trồng cỏ.

- Một số đoạn qua ao, chân đê, nương hoặc nhà dân xây chân khay gia cố bằng BTXM, độ dốc taluy mái đắp 1/1-1/1,5.

- Đối với một số đoạn nền đường cũ bị sinh lún: Đào xử lý triệt để và đắp trả bằng đất lẫn đá, đoạn trên đê đắp trả bằng đất; tăng cường bằng móng ĐDTC.

e) Nút giao: Toàn tuyến có 05 nút giao; nút giao được thiết kế dạng giao bằng đơn giản, kết cấu áo đường như tuyến chính.

f) Công trình thoát nước:

- Thoát nước dọc:

- + Những đoạn ngoài khu dân cư, ít dân cư và những đoạn mặt bằng hai bên thấp thì thoát nước mặt đường bằng chảy tỏa.

- + Những đoạn qua khu đông dân cư thiết kế rãnh dọc kín có nắp đậy (lòng rãnh rộng 0,5m); bố trí rãnh đan, cửa thu nước, bó vỉa và hố thu; kết cấu bằng BTXM, BTCT và gạch xây VXM; các đoạn qua đường ngang thiết kế rãnh chịu lực. Đối với các đoạn qua khu dân cư đã có, giải pháp xử lý là cải tạo nâng cao độ đỉnh rãnh để phù hợp với cao độ của mặt đường.

- Công thoát nước ngang: Giữ nguyên những công trình còn tốt, nối dài cho đủ bề rộng nền đường và thanh lý xây dựng mới những công bị hư hỏng; kết cấu công bằng BTXM và BTCT.

g) Công trình cầu: Giữ nguyên cầu Trắng và cầu Kè, thực hiện công tác kiểm định để xác định tải trọng khai thác thực tế, sửa chữa nhỏ và gắn biển tải trọng để đảm bảo khai thác an toàn cho công trình.

h) An toàn giao thông: Bố trí hệ thống An toàn giao thông tuân thủ theo đúng QCVN 41:2016/BGTVT.

6.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: (thống nhất danh mục kèm theo hồ sơ dự án).

7. Địa điểm xây dựng: huyện Thiệu Hóa và huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

8. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 19,6ha, trong đó phần chiếm dụng mới khoảng 7,5ha.

9. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

10. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Giao UBND các huyện: Thiệu Hóa, Thọ Xuân làm chủ đầu tư thực hiện GPMB các đoạn tuyến thuộc địa phận quản lý theo đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ.

11. Tổng mức đầu tư: 120.000.000.000 đồng, Trong đó:

- Chi phí GPMB	9.900.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng	83.358.260.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	1.488.403.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.759.185.000 đồng;
- Chi phí khác	4.634.460.000 đồng;
- Chi phí dự phòng	12.859.692.000 đồng.

(Chi tiết TMDT có phụ biểu kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh đầu tư theo kế hoạch.

13. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

14. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2016 - 2021.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; trong các bước tiếp theo, yêu cầu Sở Giao thông vận tải tiếp thu ý kiến các ngành tham gia thẩm định; rà soát lại toàn bộ các hạng mục đã đầu tư sửa chữa đoạn Km0-Km11+700 theo Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, trên cơ sở đó, chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế tận dụng tối đa các hạng mục đã được đầu tư, tránh lãng phí; ưu tiên thi công trước đối với những đoạn đã xuống cấp, hư hỏng nặng theo đề xuất tại Công văn số 2709/SGTVT-TĐKHKT ngày 08/8/2017 của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Thiệu Hóa, Thọ Xuân; các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3QĐ;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn

Phụ lục: **BẢNG MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

Công trình: Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc
(Kèm theo Quyết định số: 230/TQĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục công việc	Kinh phí
I	Giải phóng mặt bằng	9.900.000.000
II	Kinh phí xây dựng	83.358.260.000
III	Quản lý dự án	1.488.403.000
IV	Tư vấn đầu tư xây dựng	7.759.185.000
1	Khảo sát bước lập dự án	2.051.623.000
2	Thiết kế bước lập dự án	458.557.000
3	Khảo sát bước lập BVTC	1.100.000.000
4	Chi phí thiết kế bước lập BVTC	928.014.000
5	Lập hồ sơ mời thầu gói thầu Tư vấn lập dự án	7.533.000
6	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu Tư vấn lập dự án	2.282.000
7	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn lập BVTC	13.232.000
8	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu thi công, giám sát	90.981.000
8	Thẩm tra thiết kế BVTC	81.731.000
10	Thẩm tra dự toán xây dựng	78.045.000
11	Giám sát công tác KS bước lập dự án	74.250.000
12	Giám sát công tác KS bước BVTC	40.720.000
13	Giám sát thi công xây dựng	1.534.536.000
14	Thẩm tra an toàn giao thông	100.000.000
15	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB, mốc lộ giới	500.000.000
16	Kiểm định, đánh giá và gắn biển tải trọng cầu cũ	400.000.000
17	Giám sát, đánh giá dự án đầu tư	297.681.000
IV	Chi phí khác	4.634.460.000
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	441.000.000
2	Kiểm toán công trình	371.250.000
3	Bảo hiểm công trình	333.433.000
4	Thẩm định thiết kế BVTC	14.376.000
5	Thẩm định dự toán	13.818.000
6	Thẩm định dự án đầu tư	14.400.000

7	Thẩm định KQĐT, HSMT gồm thầu KS lập dự án, KS lập BVTC.	4.538.000
8	Thẩm định HSMT, KQLCNT, các gói thầu xây lắp, giám sát	77.315.000
9	Hạng mục chung và một số công việc không xác định được khối lượng	3.334.330.000
10	Kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng	30.000.000
V	Dự phòng	12.859.692.000
1	Cho yếu tố phát sinh khối lượng	11.171.179.000
2	Cho yếu tố trượt giá	1.688.513.000
	Tổng cộng	120.000.000.000